

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ
HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Số: 06/HDQT-NQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 03 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD**

(V/v triển khai Phương án phát hành cổ phiếu

theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty)

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad (“Công ty”);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 08/ĐHĐCĐ-BB ngày 28/03/2024;
- Tờ trình số 06/HDQT-VNX ngày 06/03/2024 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 17/HDQT-NQ ngày 14/05/2024;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 06 /HDQT-BB ngày 5/03/2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua nội dung triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024 theo phương án tại Tờ trình số 06/HDQT-VNX ngày 06/03/2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua như sau:

- 1. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty**
1. Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad
 2. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad
 3. Mã cổ phiếu : VNX
 4. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
 5. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
 6. Vốn điều lệ trước khi phát hành : 18.374.220.000 đồng (bằng chữ: Mười tám tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng)
 7. Số cổ phiếu đang lưu hành : 1.837.422 cổ phiếu (bằng chữ: Một triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi hai cổ phiếu)
 8. Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
 9. Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
 10. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 61.247 cổ phiếu (bằng chữ: Sáu mươi một nghìn hai trăm bốn mươi bảy cổ phiếu)
 11. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành dự kiến theo mệnh giá : 612.470.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)
 12. Tỷ lệ : Số lượng cổ phiếu phát hành/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 3,3333%
 13. Nguồn thực hiện phát hành : Do người lao động nộp tiền
 14. Đối tượng phát hành : Người lao động và/hoặc Nhân sự chủ chốt tại Công ty
 15. Nguyên tắc xác định giá phát hành : **a. Nguyên tắc xác định giá chào bán:**
 - Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad tại thời điểm 31/12/2023 trên BCTC năm 2023 đã kiểm toán:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản cố định vô hình}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$= \frac{67.706.895.043 - 2.700.000}{1.224.948}$$

$$= 55.271 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

- Giá trị thị trường trung bình của cổ phiếu Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong 30 phiên giao dịch từ ngày 22/01/2024 đến ngày 29/02/2024 là 27.000 đồng/cổ phiếu.

b. Xác định giá chào bán:

Nhằm gia tăng sự gắn bó và đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty, HĐQT Công ty đề xuất mức giá phát hành ESOP là **10.000 đồng/cổ phiếu.**

16. Giá phát hành : **10.000 đồng/cổ phiếu.**
17. Chuyển nhượng quyền mua : Người lao động không được chuyển nhượng quyền mua cho các đối tượng khác.
18. Phương án xử lý cổ phiếu người lao động không nộp tiền mua : Trong trường hợp người lao động từ bỏ quyền mua cổ phiếu được phân bổ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục phân bổ số cổ phiếu này cho các đối tượng khác thuộc đối tượng phát hành với giá phát hành không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu
19. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
20. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành (tính theo Giá phát hành) : 612.470.000 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*)
21. Thời gian thực hiện dự kiến : Sau khi phương án phát hành ESOP được ĐHĐCĐ thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến trong năm 2025
22. Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung : Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
23. Sửa đổi điều lệ : Sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu tại Điều 7, nội dung về Vốn điều lệ, Cổ phần trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cập nhật theo Vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

II. Thông qua tiêu chuẩn, tiêu chí phân bổ cổ phiếu và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

- *Tiêu chuẩn tham gia chương trình*

Cán bộ quản lý, người lao động đang làm việc tại Công ty thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đang làm việc và hưởng lương và/hoặc nhận thù lao tại Công ty tính đến ngày 31/12/2023;
- Có nhiều khả năng phát triển và tiềm năng đóng góp vào sự phát triển của Công ty, có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của phòng ban trong năm 2023;
- Người lao động là nhà đầu tư trong nước;
- Có thời gian làm việc liên tục tại Công ty ít nhất 01 năm tính đến thời điểm 31/12/2023

- *Tiêu chí phân bổ cổ phiếu ESOP*

Cổ phiếu ESOP được phân bổ theo các tiêu chí:

- Chức vụ của người lao động tại Công ty: Hệ số chức vụ
 - Thời gian công tác của người lao động tại Công ty tính đến ngày 31/12/2023: Hệ số thâm niên
- *Nguyên tắc xác định số cổ phiếu mỗi người lao động được mua:*

$$\text{Số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được mua} = \frac{\text{Tổng số cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành}}{\text{Tổng hệ số của tất cả người lao động}} \times \text{Tổng hệ số của mỗi người lao động}$$

Trong đó:

$$\text{Tổng hệ số của mỗi người lao động} = \text{Hệ số chức vụ} + \text{Hệ số thâm niên}$$

- Hệ số chức vụ: được quy định tùy theo chức danh mà người lao động đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023

Chức vụ	Hệ số chức vụ
Tổng giám đốc	2,5
Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc điều hành (*)	2,0
Phó Giám đốc điều hành (**), Giám đốc dự án	1,5
Nhân viên	1

(*): Giám đốc điều hành bao gồm: Giám đốc quản trị nhân sự, Giám đốc Triển lãm sự kiện và Giám đốc Quảng cáo truyền thông;

(**): Phó Giám đốc điều hành bao gồm: Phó Giám đốc, Phó Giám đốc Triển lãm sự kiện, Phó Giám đốc Quảng cáo truyền thông, Phó Giám đốc Thiết kế sáng tạo.

- Hệ số thâm niên: được quy định theo số năm làm việc tại Công ty của người lao động tính đến ngày 31/12/2023. Trong trường hợp thời gian làm việc của người lao động 10 tháng trở lên đến dưới 01 năm được làm tròn thành 01 năm.

Số năm làm việc tại Công ty	Hệ số thâm niên
Trên 20 năm	3,0
Trên 10 năm đến 20 năm	2,0
Từ 01 năm đến 10 năm	1,0

III. Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) (Quy chế đính kèm).

IV. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty là 612.470.000 đồng (tính theo giá phát hành), sẽ được phân bổ sử dụng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025, cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Thanh toán tiền mặt bằng triển lãm cho nhà cung cấp	612.470.000	Trong năm 2025
	Tổng	612.470.000	

Điều 2: Thông qua danh sách người lao động được mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động và số lượng cổ phiếu được phân bổ theo nguyên tắc xác định số cổ phiếu mỗi người lao động được mua (Danh sách đính kèm).

Theo đó, toàn bộ danh sách người lao động được mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia nên đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Tổ chức thực hiện

- I. Giao cho ông Nguyễn Khắc Luận – Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện Công ty triển khai Thực hiện ký ban hành các văn bản, quyết định các vấn đề có liên quan tới hồ sơ

- phương án chào bán và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- II. Nghị quyết này thay thế nội dung tại Điều 2 Nghị quyết HĐQT số 17/HĐQT-NQ ngày 14/05/2024.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, Phó Tổng Giám đốc, các bộ phận/đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Lưu các thành viên HĐQT,
- Lưu VT/HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Khắc Luận

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG
CÔNG TY NĂM 2024 (ESOP)

(Ban hành theo Nghị quyết số 06/HĐQT-NQ ngày 05/03/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 08/ĐHĐCĐ-BB ngày 28/03/2024;
- Tờ trình số 06/HĐQT-VNX ngày 06/03/2024 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 17/HĐQT-NQ ngày 14/05/2024;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/HĐQT-NQ ngày 05/03/2025.

Điều 2. Phạm vi đối tượng và áp dụng

Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024 (“Quy chế”) áp dụng đối với cán bộ nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy định đang làm việc tại Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad được quy định cụ thể tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 3. Các khái niệm và thuật ngữ viết tắt

1. ESOP (Employee Stock Ownership Plan): là Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
2. “Phương án phát hành”: là phương án phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 thông qua theo nội dung tờ trình số 06/HĐQT-VNX ngày 06/03/2024.
3. “Chương trình ESOP”: Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024.
4. “Quy chế”, “Quy chế ESOP”: Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024.
5. “Công ty”, “VINEXAD” là Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad.
6. “Cổ phiếu”: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad.
7. “Cổ phiếu ESOP”: Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024.
8. “CBNV” là Cán bộ quản lý, người lao động Công ty.
9. “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty.
10. “Giám đốc/Phó Giám đốc QCTT”: Giám đốc/Phó Giám đốc Quảng cáo & Truyền thông
11. “Giám đốc/Phó Giám đốc TLSK”: Giám đốc/Phó Giám đốc Triển lãm sự kiện
12. “Giám đốc/Phó Giám đốc TKST”: Giám đốc/Phó Giám đốc Thiết kế sáng tạo

Điều 4. Mục đích đợt phát hành

Chương trình này tạo cơ hội cho người lao động được chia sẻ hơn nữa những giá trị và thành công được tạo ra bởi chính bản thân họ tại Công ty và, vì vậy, hướng tới các mục đích sau dành cho người lao động:

1. Tạo động lực làm việc, sự gắn bó, cống hiến lâu dài với Công ty của toàn thể người lao động, đóng góp vào sự phát triển của Công ty.
2. Tăng cường sự hòa đồng lợi ích của người lao động với lợi ích cổ đông, người lao động được hưởng thành quả từ chính nỗ lực làm việc của mình với tư cách cổ đông, qua đó tối đa hóa giá trị cổ phần của Công ty.
3. Giữ chân và thu hút cán bộ quản lý cao cấp.
4. Là tiền đề để thu hút nhân tài cho sự phát triển của Công ty.

Điều 5. Ý nghĩa của đợt phát hành

1. Chương trình ESOP cho phép Cán bộ quản lý, người lao động cùng hưởng giá trị gia tăng mà Công ty tạo ra đồng thời đạt được những mục tiêu:
 - a. Ghi nhận những đóng góp của Cán bộ quản lý, người lao động của Công ty;
 - b. Thu hút và gắn bó lâu dài những cán bộ chủ chốt tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm và nhân viên giỏi;
 - c. Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các cán bộ chủ chốt, nhân viên giỏi trong Công ty;
 - d. Gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty; tạo động lực để nhân viên cùng phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty;
 - e. Đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên.
2. Đối với Cán bộ quản lý, người lao động:
 - a. Có thêm động lực làm việc, đồng hành và tiếp tục gắn bó, cống hiến cho sự phát triển của Công ty;
 - b. Được hưởng các lợi ích khi Công ty tăng trưởng;
 - c. Thu hút những thêm nhân lực xuất sắc mới và giữ chân những người tài giỏi trong Công ty.
3. Đối với Công ty
 - a. Tạo dựng được đội ngũ Cán bộ quản lý, người lao động giỏi có kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó lâu dài với Công ty;
 - b. Hình ảnh Công ty ngày càng được nâng cao và tạo hiệu ứng tốt trong xã hội;
 - c. Giá trị Công ty gia tăng sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn đầu tư vào Công ty, đáp ứng các mục tiêu phát triển trong dài hạn;
 - d. Hạn chế lượng tiền mặt phải đưa ra cho các chương trình phúc lợi.
4. Đối với cổ đông
 - a. Tạo sự ổn định về mặt nhân sự, từ đó góp phần tạo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng phát triển bền vững của Công ty;
 - b. Giá trị tài sản của cổ đông tăng lên do Công ty tăng trưởng tốt

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO

Điều 6. Cổ phiếu phát hành

1. Tổ chức phát hành: **Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad**
2. Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad**

3. Mã cổ phiếu: VNX
4. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 61.247 cổ phiếu (*bằng chữ: Sáu mươi một nghìn hai trăm bốn mươi bảy cổ phiếu*)
8. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành dự kiến theo mệnh giá: 612.470.000 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*)
9. Tỷ lệ: Số lượng cổ phiếu phát hành/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 3,33%
10. Nguồn thực hiện phát hành: Do người lao động nộp tiền
11. Đối tượng phát hành: Người lao động và/hoặc Nhân sự chủ chốt tại Công ty
12. Giá phát hành: **10.000 đồng/cổ phiếu**
13. Chuyển nhượng quyền mua: Người lao động không được chuyển nhượng quyền mua cho các đối tượng khác
14. Phương án xử lý cổ phiếu người lao động không nộp tiền mua: Trong trường hợp người lao động từ bỏ quyền mua cổ phiếu được phân bổ, HĐQT tiếp tục phân bổ số cổ phiếu này cho các đối tượng khác tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng của chương trình ESOP quy định tại Điều 10 của Quy chế này với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu
15. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
16. Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi phương án phát hành ESOP được ĐHĐCĐ thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến trong năm 2025.
17. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 612.470.000 đồng (tính theo giá phát hành) sẽ được phân bổ sử dụng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025 (Thanh toán/tạm ứng cho nhà cung cấp, thanh toán lương v.v...).

Điều 7. Nguyên tắc xác định giá phát hành

Theo nguyên tắc xác định giá phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty là 10.000 đồng/cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 thông qua theo Tờ trình số 06/HĐQT-VNX ngày 06/03/2024.

Điều 8. Điều kiện kèm theo cổ phiếu phát hành

CBNV được phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo Quy chế ESOP này được xem là đồng ý với điều kiện kèm theo cũng như tất cả các quy định khác của Công ty có liên quan, bao gồm:

1. Tuân thủ thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 15 Điều 6 của Quy chế này, bao gồm cả việc hạn chế tặng, cho, góp vốn, dùng làm phần thưởng hoặc bất kỳ hình thức nào khác có thể dẫn đến việc thay đổi người sở hữu cổ phiếu.
2. Nộp đầy đủ tiền mua cổ phiếu trong thời hạn thông báo của Hội đồng quản trị.
3. Tự chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc bất kỳ khoản thuế, phí nào khác phát sinh từ việc được nhận cổ phiếu phát hành thêm; thực hiện các quyền phát sinh từ cổ phiếu và chuyển nhượng cổ phiếu sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.
4. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, đối với các quyền phát sinh từ cổ phiếu phát hành theo Quy chế ESOP này, CBNV không bị hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào đối với các trường hợp gồm: (i) thực hiện quyền bỏ phiếu tham dự Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản; (ii) thực hiện quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu thưởng và (iii) thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm.
5. Công ty không có bất kỳ cam kết nào bằng văn bản hay hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu, sự pha loãng cổ phiếu xảy ra trước và sau khi phát hành cổ phiếu theo Quy chế ESOP này. CBNV có trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được quyền quyết định từ chối toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu ESOP được phân bổ.

Điều 9. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng cho người khác.
2. Xử lý đối với cổ phiếu không phân phối hết:
 - a. Trong trường hợp tại thời điểm phát hành người lao động có tên trong Danh sách người được mua của phiếu (*đính kèm Quy chế này*) không còn đủ điều kiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn tham gia Chương trình (đã nghỉ việc hoặc đã nộp đơn xin nghỉ việc) sẽ không được tham gia chương trình ESOP và Hội đồng quản trị tiếp tục phân bổ số cổ phiếu này cho người lao động khác với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng của chương trình ESOP quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
 - b. Xử lý cổ phiếu không thực hiện quyền mua: Trong trường hợp người lao động có tên trong Danh sách người được mua của phiếu (*đính kèm Quy chế này*) từ bỏ quyền mua số cổ phiếu được phân bổ, Hội đồng quản trị tiếp tục phân bổ số cổ phiếu này cho người lao động khác với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng của chương trình ESOP quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
3. Quy định về quyền lợi được hưởng từ cổ phiếu ESOP
Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm do Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu mà người lao động nhận được phát sinh từ số lượng cổ phiếu ESOP đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo tỷ lệ và thời gian tương ứng với số lượng cổ phiếu ESOP đang bị hạn chế chuyển nhượng.

4. Thu hồi quyền lợi được hưởng từ cổ phiếu ESOP;
Hội đồng quản trị quyết định không thu hồi số cổ phiếu người lao động được mua trong đợt phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo Chương trình lựa chọn cho người lao động.
5. Các trường hợp khác chưa được quy định ở trên, HĐQT sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để ra quyết định.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN BỐ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 10. Đối tượng phát hành

Người lao động Công ty được tham gia Chương trình ESOP bao gồm:

1. Cán bộ quản lý, người lao động đang làm việc tại Công ty thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a. Đang làm việc và hưởng lương và/hoặc nhận thù lao tại Công ty tính đến ngày 31/12/2023;
 - b. Có nhiều khả năng phát triển và tiềm năng đóng góp vào sự phát triển của Công ty, có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của phòng ban trong năm 2023;
 - c. Người lao động là nhà đầu tư trong nước;
 - d. Có thời gian làm việc liên tục tại Công ty ít nhất 01 năm tính đến thời điểm 31/12/2023.
2. Không thuộc các đối tượng sau:
 - a. Người lao động đã nộp đơn xin nghỉ việc hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động sẽ không được tham gia chương trình ESOP mà không phụ thuộc vào việc ngày chính thức nghỉ việc xảy ra trước hay sau ngày Ủy ban chứng khoán nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành ESOP
 - b. Người lao động bị xử lý kỷ luật lao động hoặc đang trong thời gian chờ xử lý kỷ luật/chờ xem xét kỷ luật trong thời gian thực hiện chương trình ESOP;
 - c. Đang tạm hoãn hợp đồng lao động, đang nghỉ việc không lý do;
 - d. Là người lao động có quốc tịch nước ngoài (để đảm bảo việc phát hành cổ phiếu ESOP đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%).
3. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định lựa chọn đối tượng phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP và Quy chế này.

Điều 11. Tiêu chí phân bổ cổ phiếu ESOP

Cổ phiếu ESOP được phân bổ theo các tiêu chí:

1. Chức vụ của người lao động tại Công ty: Hệ số chức vụ
2. Thời gian công tác của người lao động tại Công ty tính đến ngày 31/12/2023: Hệ số thâm niên

Điều 12. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu người lao động được mua theo Chương trình ESOP

1. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu mỗi người lao động được mua:

$$\text{Số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được mua} = \frac{\text{Tổng số cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành}}{\text{Tổng hệ số của tất cả người lao động}} \times \text{Tổng hệ số của mỗi người lao động}$$

Trong đó:

$$\text{Tổng hệ số của mỗi người lao động} = \text{Hệ số chức vụ} + \text{Hệ số thâm niên}$$

- Hệ số chức vụ: được quy định tùy theo chức danh mà người lao động đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023

Chức vụ	Hệ số chức vụ
Tổng giám đốc	2,5
Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc điều hành (*)	2,0
Phó Giám đốc điều hành (**), Giám đốc dự án	1,5
Nhân viên	1

(*): Giám đốc điều hành bao gồm: Giám đốc quản trị nhân sự, Giám đốc TLSK và Giám đốc QCTT

(**): Phó Giám đốc điều hành bao gồm: Phó Giám đốc, Phó Giám đốc TLSK, Phó Giám đốc QCTT, Phó Giám đốc TKST

- Hệ số thâm niên: được quy định theo số năm làm việc tại Công ty của người lao động tính đến ngày 31/12/2023. Trong trường hợp thời gian làm việc của người lao động 10 tháng trở lên đến dưới 01 năm được làm tròn thành 01 năm.

Số năm làm việc tại Công ty	Hệ số thâm niên
Trên 20 năm	3,0
Trên 10 năm đến 20 năm	2,0
Từ 01 năm đến 10 năm	1,0

2. Nguyên tắc làm tròn (nếu có):

- Số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.
- Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành bằng số lượng cổ phiếu đã được ĐHCĐ thông qua, toàn bộ cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn đến hàng đơn vị khi phân phối cho CBNV sẽ được phân phối cho Tổng giám đốc công ty tại thời điểm 31/12/2023.

3. Danh sách người lao động được phân phối cổ phiếu, số lượng cổ phiếu cụ thể mỗi người lao động được phân bổ theo Chương trình lựa chọn cho người lao động được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt theo Tiêu chí phân bổ Cổ phiếu ESOP (Danh sách đính kèm Quy chế này).

Điều 13. Quyền của người lao động được quyền mua cổ phần ưu đãi

1. Người lao động có toàn quyền quyết định việc đăng ký mua cổ phần ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
2. Được hưởng mọi quyền và lợi ích của cổ đông sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 14. Thủ tục thực hiện quyền

1. Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành theo quy định của pháp luật.
2. CBNV đọc và hiểu rõ quy định của Quy Chế này.
3. Đăng ký mua cổ phiếu, thực hiện đúng trình tự, quy định theo thông báo của Công ty.
4. Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu, đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và đăng ký thay đổi đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Thời gian thực hiện

Dự kiến trong năm 2025, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT quyết định thời điểm triển khai cụ thể Chương trình ESOP, tuân thủ mốc thời gian dự kiến trên và theo quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị thông qua quy chế và danh sách phát hành theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Chủ tịch hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua hồ sơ phát hành và chỉ đạo thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại

Hội đồng quản trị giao Chủ tịch HĐQT giải quyết các khiếu nại phát sinh từ việc thực hiện Quy Chế này. Quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng

Điều 18. Sửa đổi nội dung quy chế và hướng dẫn thi hành

1. HĐQT có toàn quyền sửa đổi, bổ sung nội dung Quy Chế này, bao gồm cả các điều kiện kèm theo cổ phiếu phát hành trên nguyên tắc không sửa đổi theo hướng bất lợi hơn cho CBNV đã mua cổ phiếu.
2. Chủ tịch HĐQT ban hành văn bản hướng dẫn về quy trình xử lý các trường hợp phát sinh (nếu có).
3. Khi quy định pháp luật có những thay đổi liên quan đến chương trình lựa chọn cho người lao động thì quy chế này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

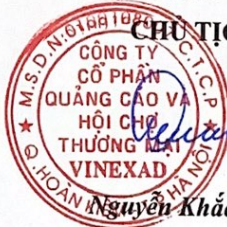
Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy Chế này gồm 4 chương, 19 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.
2. HĐQT chịu trách nhiệm lựa chọn, phê duyệt danh sách các cá nhân tham gia đợt phát hành và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng cá nhân căn cứ vào các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Chương trình ESOP.
3. Toàn thể Cán bộ quản lý, người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện theo Quy Chế này.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Luận

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHIẾU
PHÁT HÀNH THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY
(Kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/HĐQT-NQ ngày 05/03/2025
của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad)

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
1	Nguyễn Khắc Luân	010022317	08/12/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Tổng giám đốc	2,5	1/7/1993	30 năm 6 tháng	30	3	5,5	1.631,28	0,28	1.660
2	Đình Văn Khải	012014881	10/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Phó Tổng giám đốc	2	1/9/1990	33 năm 4 tháng	33	3	5,0	1.482,98	0,98	1.482
3	Nguyễn Thu Hồng	001170017654	22/02/2022	Cục CS QL HC về TTXH	Phó Tổng giám đốc	2	1/9/1993	30 năm 4 tháng	30	3	5,0	1.482,98	0,98	1.482
4	Phạm Đăng Khánh	027075000355	10/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Phó Tổng giám đốc	2	1/10/2011	12 năm 3 tháng	12	2	4,0	1.186,38	0,38	1.186
5	Mạc Thanh Tú	001176007681	08/04/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Giám đốc Quản trị nhân sự	2	1/10/1998	25 năm 3 tháng	25	3	5,0	1.482,98	0,98	1.482
6	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	001173013546	10/02/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Phó Giám đốc	1,5	1/11/1994	29 năm 2 tháng	29	3	4,5	1.334,68	0,68	1.334
7	Đoàn Thị Lệ Thúy	001183055274	21/06/2023	Cục CS QL HC về TTXH	Phó Giám đốc	1,5	1/6/2009	14 năm 7 tháng	14	2	3,5	1.038,08	0,08	1.038
8	Lê Tuấn Anh	001071011326	29/04/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Nhân viên nghiệp vụ	1	1/8/1995	28 năm 5 tháng	28	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
9	Nguyễn Hữu Hải	001063005971	27/08/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên hành chính	1	1/5/1997	26 năm 8 tháng	26	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
10	Lê Thanh Hà	001065003094	10/07/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên hành chính	1	1/1/1993	30 năm 12 tháng	31	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
11	Vũ Thị Thủy	038182000280	21/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên hành chính	1	1/6/2008	15 năm 7 tháng	15	2	3,0	889,79	0,79	889
12	Phạm Thị Chi	034189002123	05/04/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Nhân viên nghịệp vụ	1	1/3/2016	7 năm 10 tháng	8	1	2,0	593,19	0,19	593
13	Phạm Đình Chiến	036086004909	14/06/2022	Cục CS QL HC về TTXH	Nhân viên hành chính	1	1/6/2017	6 năm 7 tháng	6	1	2,0	593,19	0,19	593
14	Nguyễn Tuyết Mai	001176016654	19/08/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Kế toán trưởng	2	1/1/2001	22 năm 12 tháng	23	3	5,0	1.482,98	0,98	1.482
15	Nguyễn Thị Phương	030165007152	09/04/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Nhân viên nghịệp vụ	1	1/10/1993	30 năm 3 tháng	30	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
16	Bùi Thu Huyền	034187007929	08/03/2018	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Nhân viên nghịệp vụ	1	1/07/2019	4 năm 6 tháng	4	1	2,0	593,19	0,19	593
17	Phạm Nhật Linh	001190020075	10/07/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Nhân viên nghịệp vụ	1	1/5/2021	2 năm 8 tháng	2	1	2,0	593,19	0,19	593
18	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02218004463	09/01/2022	Cục CS QL HC về TTXH	Giám đốc TLSK	2	1/1/2004	19 năm 12 tháng	20	2	4,0	1.186,38	0,38	1.186
19	Phạm Thị Thu Hà	031179004805	24/03/2022	Cục CS QL HC về TTXH	Phó Giám đốc TLSK	1,5	1/1/2007	16 năm 12 tháng	17	2	3,5	1.038,08	0,08	1.038
20	Lê Hồng Lâm	015089009114	03/09/2023	Cục CS QL HC về TTXH	Phó Giám đốc TLSK	1,5	1/10/2018	5 năm 3 tháng	5	1	2,5	741,49	0,49	741
21	Trần Ngọc Diệp	022188011468	07/10/2021	Cục CS QL HC về TTXH	Nhân viên Kinh doanh	1	1/1/2011	12 năm 12 tháng	13	2	3,0	889,79	0,79	889
22	Trần Quang Tùng	022090004504	23/05/2023	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc Dự án	1,5	1/5/2017	6 năm 8 tháng	6	1	2,5	741,49	0,49	741

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
23	Nguyễn Thị Thủy	025196012218	09/06/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc Dự án	1,5	1/6/2018	5 năm 7 tháng	5	1	2,5	741,49	0,49	741
24	Nguyễn Hải Âu	026193012575	17/8/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc Dự án	1,5	1/6/2015	8 năm 7 tháng	8	1	2,5	741,49	0,49	741
25	Tạ Thu Thủy	001177012259	26/07/2022	Cục cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/10/1999	24 năm 3 tháng	24	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
26	Trần Đăng Long	038065000016	04/08/2022	Cục cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/4/1994	29 năm 9 tháng	29	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
27	Hoàng Bích Diệp	001185005278	09/05/2021	Cục cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/5/2009	14 năm 8 tháng	14	2	3,0	889,79	0,79	889
28	Đỗ Thị Thanh Thanh	012192000051	24/7/2021	Cục cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/1/2016	7 năm 12 tháng	8	1	2,0	593,19	0,19	593
29	Nguyễn Thế Anh	020091009229	24/09/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/11/2022	1 năm 2 tháng	1	1	2,0	593,19	0,19	593

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thấm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
30	Trần Minh Phuong	001183045695	18/12/2023	Cục cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/7/2006	17 năm 6 tháng	17	2	3,0	889,79	0,79	889
31	Nguyễn Thị Hong Nhung	02218000065	25/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/9/2007	16 năm 4 tháng	16	2	3,0	889,79	0,79	889
32	Phạm Thị Hải Yên	001168002159	25/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/12/1993	30 năm 1 tháng	30	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
33	Nguyễn Quốc Vinh	001071002723	24/07/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/12/1993	30 năm 1 tháng	30	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
34	Nguyễn Thanh Vân	001195023226	25/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên Kinh doanh	1	1/6/2022	1 năm 7 tháng	1	1	2,0	593,19	0,19	593
35	Đào Thị Thu Hà	0341750123102	29/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc TLSK	2	1/1/1998	25 năm 12 tháng	26	3	5,0	1.482,98	0,98	1.482
36	Ngô Vũ Thanh Minh	001089009206	02/03/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Phó Giám đốc TLSK	1,5	1/8/2014	9 năm 5 tháng	9	1	2,5	741,49	0,49	741

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
37	Thái Tuyết Hương	001172014938	25/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc dự án	1,5	1/8/2000	23 năm 5 tháng	23	3	4,5	1.334,68	0,68	1.334
38	Nguyễn Minh Châu	001175034360	24/06/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc dự án	1,5	1/1/1998	25 năm 12 tháng	26	3	4,5	1.334,68	0,68	1.334
39	Đỗ Thị Thu Hương	026177005098	25/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/3/2000	23 năm 10 tháng	24	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
40	Nguyễn Thị Kim Dung	001172001785	12/08/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/10/1998	25 năm 3 tháng	25	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
41	Nguyễn Doan Trang	001178007707	28/05/2003	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/7/1998	25 năm 6 tháng	25	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
42	Hồ Thu Hà	001180002825	10/07/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/5/2003	20 năm 8 tháng	20	2	3,0	889,79	0,79	889
43	Phạm Lê Hoàng	001093035414	01/11/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/10/2017	6 năm 3 tháng	6	1	2,0	593,19	0,19	593

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
44	Nguyễn Hoàng Ngân	001196020372	25/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/7/2019	4 năm 6 tháng	4	1	2,0	593,19	0,19	593
45	Vũ Đức Thành	020096000882	24/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/8/2022	1 năm 5 tháng	1	1	2,0	593,19	0,19	593
46	Trần Trạch Mạnh Linh	001070006581	24/07/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Phó Giám đốc TKST	1,5	1/5/1997	26 năm 8 tháng	26	3	4,5	1.334,68	0,68	1.334
47	Trần Quang Huy	001095016768	24/06/2021	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Phó Giám đốc TKST	1,5	1/05/2018	5 năm 8 tháng	5	1	2,5	741,49	0,49	741
48	Nguyễn Quang Truyền	001075016123	16/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên thiết kế	1	1/10/2001	22 năm 3 tháng	22	3	4,0	1.186,38	0,38	1.186
49	Bùi Minh Trang	036184015005	05/02/2024	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên thiết kế	1	1/5/2006	17 năm 8 tháng	17	2	3,0	889,79	0,79	889
50	Vũ Đăng Khoa	0011074004402	10/07/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Giám đốc QCTT	2	1/1/2014	9 năm 12 tháng	10	1	3,0	889,79	0,79	889

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
51	Nguyễn Hữu Tinh	001089009220	13/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Phó Giám đốc QCTT	1,5	1/8/2010	13 năm 5 tháng	13	2	3,5	1.038,08	0,08	1.038
52	Hồ Thiên Trang	001194036410	21/06/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên truyền thông	1	1/1/2016	7 năm 12 tháng	8	1	2,0	593,19	0,19	593
53	Trần Ngọc Nam	001080036579	29/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên truyền thông	1	1/4/2015	8 năm 9 tháng	8	1	2,0	593,19	0,19	593
54	Bạch Hồng Nhung	031187014288	05/06/2023	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên truyền thông	1	1/7/2016	7 năm 6 tháng	7	1	2,0	593,19	0,19	593
55	Đinh Thanh Tùng	001096030053	10/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên truyền thông	1	1/6/2022	1 năm 7 tháng	1	1	2,0	593,19	0,19	593
56	Huỳnh Thị Ngọc Châu	080170006423	08/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Phó Giám đốc	1,5	1/ 8/1999	24 năm 5 tháng	24	3	4,5	1.334,68	0,68	1.334
57	Nguyễn Thị Bích Ly	035174001573	21/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kế toán trưởng	2	1/1/1997	26 năm 12 tháng	27	3	5,0	1.482,98	0,98	1.482

STT	Họ và tên	CMND/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
58	Mai Thị Huy	038181020761	19/12/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên nghề nghiệp	1	1/10/2006	17 năm 3 tháng	17	2	3,0	889,79	0,79	889
59	Lê Hoàng Lân	019069000136	12/01/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/8/2015	8 năm 5 tháng	8	1	2,0	593,19	0,19	593
60	Phạm Thị Phương Thảo	072193002258	17/06/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/10/2015	8 năm 3 tháng	8	1	2,0	593,19	0,19	593
61	Nguyễn Thị Diễm Thúy	046182000503	22/11/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/7/2017	6 năm 6 tháng	6	1	2,0	593,19	0,19	593
62	Lê Anh Phụng	082191018947	10/07/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/2/2019	4 năm 11 tháng	5	1	2,0	593,19	0,19	593
63	Phạm Thị Phượng	052178000244	24/10/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/11/2022	1 năm 2 tháng	1	1	2,0	593,19	0,19	593
64	Nguyễn Tấn Sang	056099007388	09/05/2024	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Nhân viên kinh doanh	1	1/12/2022	1 năm 1 tháng	1	1	2,0	593,19	0,19	593
TỔNG CỘNG						82			125	207	61.247	29	61.247	

STT	Họ và tên	CMND/CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức vụ (tại thời điểm ngày 31/12/2023)	Hệ số chức vụ	Thời điểm bắt đầu làm việc	Tổng thời gian làm việc tại thời điểm 31/12/2023	Thời gian làm việc tại Công ty (năm) (tính đến ngày 31/12/2023)	Hệ số thâm niên	Tổng hệ số	Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo hệ số	Số cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ sau khi xử lý cổ phiếu lẻ
-----	-----------	-----------	----------	---------	--	---------------------	----------------------------------	---	---	-----------------------	---------------	--	-------------------	--

